

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TRÀ VINH**

**TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
TỈNH TRÀ VINH
THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG NĂM 2019**

Trà Vinh, tháng 7 năm 2019

Trà Vinh, ngày 26 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2019

Kinh tế - xã hội của tỉnh Trà Vinh tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2019 diễn ra trong bối cảnh ngành sản xuất công nghiệp tăng mạnh, chủ yếu ngành sản xuất điện sản xuất tăng do các tổ máy của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải hoạt động ổn định không gặp sự cố như cùng kỳ năm 2018 cộng với nhiều doanh nghiệp mới đã bắt đầu sản xuất. Mặt khác, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn là ngành sản xuất chủ đạo của tỉnh. Nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong trồng trọt và chăn nuôi đã giúp nông dân giảm chi phí, hạn chế dịch bệnh, từ đó chất lượng sản phẩm nông nghiệp được đảm bảo và bán được giá cao đem lại lợi nhuận khá cho nông dân. Tuy nhiên, 7 tháng đầu năm 2019 tình hình chăn nuôi diễn biến phức tạp do ảnh hưởng của bệnh dịch tả heo Châu Phi và dịch cúm gia cầm dẫn đến tâm lý lo sợ cho người nuôi và người tiêu dùng; ngành nuôi trồng thủy sản cũng gặp khó khăn khi giá tôm thẻ chân trắng và cá tra tiếp tục giảm; ngành sản xuất công nghiệp tăng trưởng chưa ổn định do phần lớn giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh phụ thuộc vào ngành sản xuất điện và phân phối điện.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và sự điều hành của UBND về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2019. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp và các địa phương trong tỉnh triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; cùng với các giải pháp của tỉnh nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Kết quả thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2019 cụ thể trên các lĩnh vực sau:

I. SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng Bảy diễn ra thuận lợi hơn so với tháng trước. Bước vào đầu tháng 7 lượng mưa nhiều hơn làm cho nhiệt độ trong không khí giảm giúp cho cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt; môi trường nước ổn định nên đã hạn chế được tình hình thiệt hại trên tôm; giá ớt¹ và giá cá lóc thương phẩm tăng nên nông dân có lợi nhuận khá. Tuy nhiên, giá heo hơi vẫn tiếp tục giảm cộng với giá lúa và một số mặt hàng nông sản khác giảm nhẹ làm cho nông dân gặp khó khăn

¹ Giá ớt chỉ thiên loại I được thương lái mua tại ruộng có giá 100.000 đồng/kg, tăng 50.000 đồng/kg so tháng trước, tăng hơn 80.000 đồng/kg so thời điểm Tết nguyên đán 2019.

trong quá trình tiêu thụ; giá tôm các loại và giá cá tra² vẫn chưa có dấu hiệu khả quan khi giá vẫn tiếp tục giảm do thị trường xuất khẩu gặp khó khăn nên doanh nghiệp cắt giảm thu mua, trong khi đó diện tích nuôi lại tăng mạnh khiến dư thừa sản lượng. Bên cạnh đó, nông dân sử dụng phương pháp sạ khô không qua ngâm ủ do không chủ động được nguồn nước tưới cộng với lượng mưa trong lúc gieo sạ ít nên lượng nước phân bố không đều làm lúa không nảy mầm được gây thiệt hại ở một số địa phương³. Riêng chăn nuôi bị ảnh hưởng bởi dịch lở mồm long móng, dịch tả heo Châu Phi và dịch cúm gia cầm làm cho vật nuôi chết nhiều hoặc tăng trưởng chậm.

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt

a) Cây lúa

- *Lúa Hè thu năm 2019*: Bước vào đầu tháng 7 nông dân trong tỉnh tiếp tục gieo trồng lúa Hè thu năm 2019, diện tích gieo trồng ước đạt 1.089 ha, nâng tổng số đến nay diện tích gieo trồng lúa Hè Thu ước đạt 75.493 ha, đạt 98,04% so với kế hoạch (kế hoạch 77.000 ha), giảm 0,44% hay giảm 331 ha so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân diện tích gieo trồng lúa Hè thu giảm do một số địa phương bị thời tiết nắng nóng kéo dài vào đầu vụ cộng với chi phí sản xuất cao nên nông dân đã bỏ vụ hoặc chuyển đổi một số diện tích sản xuất kém hiệu quả sang nuôi tôm và trồng màu. Trong tháng 7 nông dân tại một số địa phương trong tỉnh đã bắt đầu thu hoạch lúa Hè thu sớm, diện tích thu hoạch ước đạt 3.871 ha, năng suất ước đạt 51,07 tạ/ha, sản lượng ước đạt 19.770 tấn.

* **Tình hình sâu bệnh**: Do trong tháng lượng mưa nhiều là cho độ ẩm trong đất cao đã tạo điều kiện cho sâu bệnh phát triển ở hầu hết các huyện, chủ yếu là rầy nâu, vàng lùn, lùn xoắn lá... Trong tháng 7 ước có 3.314 ha lúa bị nhiễm bệnh, nâng tổng số đến nay diện tích lúa bị nhiễm bệnh ước là 3.693 ha.

b) Cây màu

- *Cây màu vụ Mùa năm 2019*: Trong tháng 7 nông dân trong tỉnh tiếp tục xuống giống hoa màu các loại vụ Mùa ước đạt 3.896 ha, nâng tổng số đến nay diện tích gieo trồng ước đạt 12.200 ha, giảm 11,88% hay giảm 1.644 ha so cùng kỳ. Diện tích cây màu vụ Mùa năm 2019 giảm chủ yếu diện tích mía do giá mía từ vụ Đông Xuân đến nay vẫn tiếp tục ở mức thấp cộng với lượng tiêu thụ mía không ổn định nên nhiều hộ nông dân phá bỏ chuyển sang trồng các loại cây ăn quả khác đem lại hiệu quả kinh tế cao; diện tích bắp giảm do lượng mưa nhiều gây ngập nước nên nông dân chưa thể gieo trồng được; diện tích cây ớt tăng do giá ớt tăng ở mức cao nên nông dân đã tập trung mở rộng diện tích ớt nhằm kiếm thêm thu nhập, cải thiện đời sống nông hộ; diện

² Trong 3 tháng qua, giá cá tra nguyên liệu liên tục giảm mạnh, hiện ở mức 18.000 – 19.000 đồng mỗi kg, thấp hơn 14.000 – 18.000 đồng so với năm 2018.

³ Thiệt hại tại huyện Cầu Ngang: xã Mỹ Hòa 216,50 ha; xã Mỹ Long Bắc 434,72 ha; xã Mỹ Long Nam 90 ha; xã Thạnh Hòa Sơn 20 ha

tích cổ tăng do con bò dễ nuôi nên các hộ nông dân phát triển đàn bò và mở rộng diện tích trồng cỏ.

Diện tích một số cây màu vụ Mùa năm 2019 chủ yếu của tỉnh: bắp ước trồng được 572 ha, giảm 18 ha so với cùng kỳ năm 2018; khoai lang 296 ha, giảm 29 ha; khoai mì (sắn) 182 ha, tăng 5 ha; mía 1.567 ha, giảm 1.069 ha; đậu phộng (lạc) 495 ha, giảm 49 ha; lác (cói) 554 ha, tăng 8 ha; rau các loại 7.416 ha, giảm 554 ha;...

Tính đến giữa tháng Bảy, các địa phương trong tỉnh đã gieo trồng được 2.609 ha bắp, giảm 118 ha so với cùng kỳ năm trước; 899 ha khoai lang, giảm 41 ha; 524 ha khoai mì (sắn), tăng 18 ha; 3.065 ha mía, giảm 1.801 ha; 3.995 ha đậu phộng (lạc), giảm 72 ha; 1.753 ha lác (cói), tăng 37 ha; 19.959 ha rau các loại, giảm 476 ha.

c) Cây lâu năm

Trong tháng 7 nông dân trong tỉnh tiếp tục trồng mới cây ăn quả, diện tích ước đạt 93 ha. Tính chung từ đầu năm đến tháng 7/2019 diện tích trồng mới cây ăn quả ước đạt 559 ha, tăng 0,62% so cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân diện tích trồng mới cây ăn quả tăng do nông dân chuyển một số diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng thanh long, cam, xoài. Bước vào đầu tháng 7/2019 nông dân trong tỉnh tiếp tục thu hoạch các loại cây ăn quả, sản lượng thu hoạch ước đạt 31.603 tấn, nâng tổng số đến nay sản lượng cây ăn quả ước đạt 164.373 tấn, tăng 1,57% so cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch cây ăn quả tăng do nông dân đang tập trung thu hoạch các loại trái cây như xoài, chôm chôm, sầu riêng cho năng suất đạt khá cao.

1.2. Chăn nuôi

Trong tháng 7 năm 2019 tình hình chăn nuôi gia cầm gặp một số khó khăn do bước vào đầu mùa mưa, nhiệt độ ẩm thấp tạo điều kiện cho vi khuẩn phát triển làm cho gia cầm bị cúm chết ở một số địa phương chăn nuôi nhỏ lẻ không tập trung, công tác phun xịt, tiêu độc khử trùng chuồng trại chăn nuôi gặp khó khăn. Bên cạnh đó, dịch tả heo Châu Phi đang xảy ra tại một số huyện đã làm ảnh hưởng đến tình hình chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh. Kết quả ước số con gia súc, gia cầm hiện có trên địa bàn tỉnh trong tháng 7 năm 2019 như sau:

Đàn trâu có 410 con, giảm 224 con so với cùng kỳ do cơ giới hoá nông nghiệp, các cánh đồng sản xuất lúa tăng vụ làm cho môi trường chăn thả bị thu hẹp và cho hiệu quả kinh tế thấp.

Đàn bò có 209.115 con, tăng 75 con do tỉnh đang xây dựng chuỗi giá trị bò thịt và hình thành điểm mua bán, giết mổ, phân phối thịt bò đạt chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm; nông dân quy hoạch đất trồng cỏ hoặc chuyển đổi đất sản xuất kém hiệu quả sang trồng cây thức ăn cho bò kết hợp với ứng dụng các mô hình dự trữ, chế biến phụ phẩm công, nông nghiệp làm thức ăn cho bò như rơm, bắp, bã mía.

Đàn heo có 220.156 con, giảm 115.804 con do trong tháng 6 và tháng 7 trên địa bàn tỉnh đã xảy ra dịch tả heo Châu Phi tại hầu hết các huyện, thị xã, thành phố đã làm cho tâm lý người nuôi heo không ổn định do sợ thiệt hại dẫn tới thua lỗ nên nhiều hộ

không nuôi hoặc không mở rộng tăng đàn. Dự kiến đàn heo trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới sẽ tiếp tục giảm do dịch bệnh heo Châu Phi và bệnh lở mồm long móng đang diễn biến phức tạp gây thiệt hại trên toàn tỉnh.

Đàn gia cầm có 5.963,2 nghìn con, tăng 1.304 nghìn con, trong đó đàn gà có 3.685,6 nghìn con, tăng 579,9 nghìn con do thị trường tiêu thụ thịt gà hơi ổn định và giá cao nên người nuôi mạnh dạn đầu tư tăng đàn, riêng đàn vịt tăng do người nuôi áp dụng mô hình nuôi vịt đẻ trứng kết hợp nuôi cá tận dụng được nguồn thức ăn làm giảm giá thành tăng lợi nhuận nên đàn vịt của tỉnh được mở rộng.

Nhìn chung, tình hình chăn nuôi trong tháng 7 năm 2019 có khả quan hơn so với năm trước do giá bán sản phẩm chăn nuôi đã tăng trở lại, tuy nhiên nhiều dịch bệnh cũng thường xuyên xuất hiện và diễn biến thất thường gây hại cho đàn vật nuôi. Do đó, để chăn nuôi gia súc, gia cầm có hiệu quả và phát triển bền vững trong thời gian tới các ngành chuyên môn cần chỉ đạo tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, khuyến cáo người nuôi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tập trung xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất có hiệu quả, đặc biệt là phải gắn kết với đầu ra sản phẩm, tránh tình trạng người nuôi không xuất bán sản phẩm phải lưu lại chuồng trong thời gian dài để chờ giá. Bên cạnh đó, cũng khuyến cáo người nuôi thường xuyên vệ sinh chuồng trại, tiêu độc khử trùng, tái cấu trúc đàn, giữ lại chọn những con giống cho năng suất, chất lượng sản phẩm nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất.

**** Tình hình dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn tỉnh:***

Tính đến ngày 16/7/2019 trên địa bàn tỉnh đã phát sinh dịch bệnh tại 106 hộ ở 50 ấp, khóm với 23 xã, phường, thị trấn của 06 huyện, thị xã. Trong đó, huyện Càng Long gồm Huyện Hội, Tân Bình, An Trường A, Bình Phú, An Trường; huyện Cầu Ngang gồm Thuận Hòa, Long Sơn, Nhị Trường, Vinh Kim, thị trấn Cầu Ngang, Mỹ Hòa, Hiệp Hòa; Phường 2 của thị xã Duyên Hải; huyện Duyên Hải gồm Đôn Xuân, Ngũ Lạc, Đôn Châu, Long Vĩnh; huyện Cầu Kè gồm Thạnh Phú, Hòa Tân, Tam Ngãi, An Phú Tân, Thông Hòa; xã Hàm Tân của huyện Trà Cú. Tính đến nay đã tiêu hủy 2.283 con heo với tổng trọng lượng tiêu hủy 129.141 kg.

**** Tình hình dịch cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh:***

Tình hình bệnh cúm gia cầm đã xảy ra tại 02 hộ chăn nuôi tại xã Kim Hòa thuộc huyện Cầu Ngang và xã Phước Hảo thuộc huyện Châu Thành, tổng số con gia cầm bệnh bị tiêu hủy 4.900 con. Trước tình hình dịch bệnh nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở ban ngành liên quan, UBND các địa phương tăng cường lực lượng, tập trung đồng bộ các giải pháp khống chế dịch bệnh, tránh lây lan trên diện rộng, đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức người chăn nuôi.

2. Lâm nghiệp

Trong tháng Bảy nông dân trong tỉnh bắt đầu trồng rừng mới, diện tích ước đạt 40 ha. Sản lượng khai thác gỗ trong tháng 7 ước đạt 4.730 m³, tăng 37m² và sản lượng khai thác củi ước đạt 18.569 ste, tăng 408 ste.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2019, sản lượng khai thác gỗ ước đạt 46.299 m³, tăng 408 m³ so cùng kỳ năm trước do người dân đã thu hoạch một số loại gỗ đến thời kỳ khai thác như: bạch đàn, dầu, gỗ sao, còng, mù u, cây bàng, trầm bông vàng...; sản lượng khai thác củi ước đạt 232.180 ste, tăng 1.972 ste so với cùng kỳ do hộ tận thu củi thu hoạch từ cải tạo vườn tạp kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái.

Trong tháng, Chi cục kiểm lâm kết hợp với các Trạm hạt kiểm lâm thường xuyên tổ chức tuần tra bảo vệ rừng, không phát hiện vụ chặt phá rừng. Ngoài ra, các cơ quan chức năng tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ, chăm sóc và phòng chống cháy rừng.

3. Thủy sản

Trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2019 tình hình nuôi trồng thủy sản gặp nhiều thuận lợi nhờ sự hỗ trợ tích cực của các cấp, ngành liên quan, các cơ quan chuyên môn trong công tác phòng chống dịch bệnh, cảnh báo môi trường được triển khai thực hiện sớm, nhằm giảm rủi ro cho nghề nuôi trồng thủy sản; các chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong lĩnh vực khai thác thủy sản tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân tiếp tục bám biển sản xuất. Tuy nhiên, tình hình nuôi trồng tháng Bảy cũng gặp một số khó khăn do ảnh hưởng của những cơn mưa đầu mùa làm cho môi trường nước thay đổi nên nông dân chậm thả nuôi vì tâm lý sợ bị thiệt hại, bệnh trên tôm nuôi thường xuyên xảy ra, tập trung ở một số xã vùng nuôi trọng điểm của huyện Cầu Ngang, huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải. Thêm vào đó, tôm nuôi phát triển chậm do nhiệt độ thay đổi thất thường, môi trường nước chưa ổn định.

Sản lượng thủy sản 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt 112.299 tấn tôm cá các loại, tăng 8,33% hay tăng 8.634 tấn so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tôm ước đạt 36.855 tấn, tăng 36,88% hay tăng 9.930 tấn; cá ước đạt 52.919 tấn, tăng 19,69% hay tăng 8.706 tấn; các loại thủy sản khác ước đạt 22.525 tấn, tăng 26,61% hay tăng 4.735 tấn.

a) Nuôi trồng thủy sản

Sản lượng nuôi trồng thủy sản tháng Bảy ước đạt 15.823 tấn tôm cá các loại, tăng 10,65% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng đầu năm 2019 sản lượng nuôi trồng ước đạt 64.649 tấn, tăng 6,59% hay tăng 3.999 tấn so cùng kỳ năm 2018. Trong đó, tôm ước đạt 28.594 tấn, giảm 0,78% hay giảm 225 tấn; cá ước đạt 31.377 tấn, tăng 12,66% hay tăng 3.526 tấn. Sản lượng tăng chủ yếu là sản lượng cá lóc, tôm sú, tôm càng xanh do giá bán tăng cao cộng với cá lóc được xuất bán sang thị trường Campuchia tăng nên sau khi thu hoạch xong nhiều hộ đã tiếp tục cải tạo ao hồ thả nuôi; riêng sản lượng tôm sú tăng do nông dân tập trung thu hoạch để chuẩn bị cho vụ nuôi tôm càng xanh trong mùa mưa. Tuy nhiên, sản lượng tôm thẻ chân trắng, cá tra

giảm do giá bán giảm nên nông dân lưu lại hồ để chờ giá. Bên cạnh đó, nông dân áp dụng mô hình nuôi kết hợp tôm sú với cá rô phi; cá thác lác với cá sặc rằn để làm sạch môi trường nước bởi vì cá rô phi và cá thác lác ăn cặn bã hữu cơ cộng với thức ăn thừa giúp cho nền đáy sạch nên hạn chế một số dịch bệnh và tăng thêm thu nhập.

Sản lượng một số loại thủy sản nuôi trồng chủ yếu của tỉnh 7 tháng đầu năm 2019: tôm sú 6.108 tấn, tăng 244 tấn so với cùng kỳ; tôm thẻ chân trắng 21.238 tấn, giảm 1.127 tấn; tôm càng xanh 1.248 tấn, tăng 657 tấn; cá lóc 19.077 tấn, tăng 3.844 tấn; cua biển 3.217 tấn, giảm 145 tấn; cá tra 5.235 tấn, giảm 590 tấn.

• Tình hình thả nuôi thủy sản vùng nước lợ:

Tính đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 35.264 lượt hộ thả nuôi hơn 4.726,9 triệu con tôm, cua giống các loại trên diện tích 25.879 ha. So cùng kỳ số hộ tăng 1,22%; diện tích giảm 13,66%; con giống giảm 4,85%. Diện tích thả nuôi giảm chủ yếu là tôm sú do dịch bệnh trên tôm nuôi xảy ra ở nhiều nơi làm cho người nuôi không dám đầu tư mở rộng diện tích thả nuôi và chuyển sang nuôi các loại con khác; con giống giảm chủ yếu là tôm thẻ chân trắng do bước vào đầu mùa mưa làm cho môi trường nước không ổn định nên người nuôi giảm mật độ thả nuôi để tránh thiệt hại. Riêng số hộ thả nuôi tăng chủ yếu là những hộ nuôi nhỏ lẻ theo hình thức quảng canh, quảng canh cải tiến.

Tuy nhiên, cũng đã có một số hộ nuôi bị thiệt hại, tính đến tháng 7 năm 2019 đã có 2.303 hộ nuôi tôm sú bị thiệt hại hơn 158,1 triệu con tôm giống trên 960,45 ha diện tích (trong đó huyện Cầu Ngang thiệt hại 1.415 hộ với 111,4 triệu con giống trên 485 ha diện tích; huyện Duyên Hải thiệt hại 487 hộ với 20 triệu con giống trên 330 ha diện tích; thị xã Duyên Hải thiệt hại 401 hộ với 26,8 triệu con giống trên 146 ha diện tích). Tôm thẻ chân trắng có 3.266 hộ thả nuôi bị thiệt hại hơn 644,56 triệu con tôm giống trên 1.092 ha diện tích (trong đó huyện Cầu Ngang thiệt hại 1.822 hộ với 332,36 triệu con giống trên 615 ha diện tích; huyện Duyên Hải thiệt hại 489 hộ với 116,96 triệu con giống trên 165 ha diện tích; thị xã Duyên Hải thiệt hại 483 hộ với 89,2 triệu con giống trên 146 ha diện tích; huyện Châu Thành thiệt hại 472 hộ với 106,1 triệu con giống trên 166,26 ha diện tích). Theo đánh giá của các ngành chuyên môn, tôm chết do thời tiết biến đổi thất thường làm cho môi trường nước thay đổi cộng với con giống chất lượng kém dẫn đến con giống bị bệnh hội chứng gan tụy cấp, bệnh đốm trắng, việc quản lý môi trường nước cũng như phòng dịch bệnh gặp nhiều khó khăn.

• Tình hình thả nuôi thủy sản vùng nước ngọt:

Tính chung 7 tháng đầu năm 2019 đã có 7.555 lượt hộ thả nuôi hơn 161,6 triệu con giống các loại trên 1.427 ha diện tích, so cùng kỳ số hộ giảm 6,44%, diện tích giảm 28,79%, con giống tăng 1,59%. Nguyên nhân diện tích, số hộ giảm do trong tháng Sáu và đầu tháng Bảy thời tiết nắng mưa thất thường làm cho môi trường nước luôn biến động cộng với tình hình thiệt hại trên tôm cá không có dấu hiệu giảm nên nông dân chưa mạnh dạn thả nuôi. Riêng con giống tăng chủ yếu là con giống cá tra do trong tháng công ty Hùng Vương tại thành phố Trà Vinh thả nuôi nhiều với mật độ dày.

b) Khai thác thủy hải sản

Tình hình khai thác hải sản trong tháng 7 năm 2019 gặp một số thuận lợi do không bị ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới nên số chuyên tham gia khai thác của ngư dân được dài ngày hơn. Tổng sản lượng khai thác trong tháng 7 ước đạt 8.281 tấn tôm cá các loại, tăng 26,42% hay tăng 1.731 tấn so với cùng kỳ năm 2018. Tính chung 7 tháng đầu năm 2019, sản lượng khai thác ước đạt 47.650 tấn, tăng 10,78% hay tăng 4.635 tấn so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tôm đạt 8.261 tấn, tăng 16,25% hay tăng 1.155 tấn; cá đạt 21.542 tấn, tăng 11,73% hay tăng 2.262 tấn; thủy sản khác đạt 17.847 tấn, tăng 7,33% hay tăng 1.219 tấn. Sản lượng khai thác biển tăng do tình hình thời tiết trên biển thuận lợi cộng với giá cả các mặt hàng thủy sản tăng nhẹ, xuất hiện nhiều cá và thủy sản khác chủ yếu những loại có giá trị cao như: tôm, cá thu, cá chim, mực, cua, ốc hương,... cộng với ngư dân đã cải tạo nâng cấp tàu có công suất nhỏ để hoạt động đánh bắt xa bờ và mua mới một số tàu với công suất trên 1.000 CV đưa vào hoạt động trong thời gian qua, từ đó ngư dân ra khơi khai thác có hiệu quả nâng cao sản lượng khai thác cá và các loại hải sản.

4. Tình hình chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng vật nuôi khác

Tính từ đầu năm đến ngày 12/6/2019 có 1.312 ha đất trồng lúa kém hiệu quả chuyển sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, kết hợp nuôi thủy sản. Trong đó, chuyển sang trồng cây hàng năm 893 ha, chuyển sang trồng cây ăn trái 145 ha, trồng dừa 81 ha, nuôi trồng thủy sản 193 ha.

II. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh dự ước tháng Bảy giảm mạnh so với tháng trước do Công ty Nhiệt điện Duyên Hải sản xuất giảm vì theo thường lệ các công ty nhiệt điện được tăng cường sản xuất trong 6 tháng đầu năm, còn 6 tháng cuối năm sẽ ưu tiên sản xuất thủy điện. Bên cạnh đó, ngành sản xuất thuốc, dược phẩm cũng giảm mạnh do công ty tạm ngưng sản xuất 7 ngày để sửa chữa; ngành sản xuất cơm dừa, phẩm dừa sản xuất giảm do thị trường Trung Quốc hạn chế nhập hàng; ngành sản xuất nước và ngành phân phối điện sản xuất cũng giảm do tháng 7 mưa nhiều nên nhu cầu sử dụng nước và điện cũng giảm; ngành sản xuất đường không còn nguyên liệu để sản xuất do kết thúc vụ thu hoạch mía.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp dự ước tháng Bảy giảm 18,86% so với tháng trước. Trong đó, ngành sản xuất và phân phối điện giảm 25,49%; ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải giảm 2,61%; ngành khai khoáng tăng 4,03%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,21%. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp dự ước tháng Bảy tăng 5,38% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: ngành khai khoáng tăng 27,76%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,58%; sản xuất và phân phối điện tăng 6,15%; cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 7,52%.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2019, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 36,13% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng đã có dấu hiệu khởi sắc trở lại do giá muối cao hơn năm trước với mức tăng 43,17% so với cùng kỳ năm trước; ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 6,77%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 50,57%, đây là ngành sản xuất chủ lực và dẫn dắt tăng trưởng chung của toàn ngành và đang có xu hướng giảm do cuối năm ưu tiên sản xuất thủy điện nhiều hơn; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,52%.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 7 tháng đầu năm 2019 tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: ngành xây sát tăng 28,67%; ngành sản xuất nước uống tăng 19,97%; ngành sản xuất hóa chất tăng 21,16%; ngành sản xuất sản phẩm bằng kim loại đúc sẵn tăng 1,93%; sản xuất thiết bị điện tăng 53,91% ngành này sản xuất tăng chủ yếu do công ty TNHH MTV Việt Trần sản xuất tăng. Bên cạnh đó vẫn có một số ngành sản xuất giảm như: ngành sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu sản xuất giảm 25,34%; ngành sản xuất da và sản phẩm có liên quan giảm 17,78% do Công ty TNHH giày da Mỹ Phong sản xuất giảm vì khó khăn về thị trường tiêu thụ.

Chỉ số sử dụng lao động trong các doanh nghiệp tại thời điểm 01/7/2019 giảm 10,47% so với cùng thời điểm năm trước. Nguyên nhân giảm chủ yếu do Công ty TNHH giày da Mỹ Phong khó khăn về thị trường tiêu thụ nên sản xuất giảm dẫn đến nhu cầu sử dụng lao động giảm.

III. TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP⁴

Trong tháng 7 năm 2019, toàn tỉnh có 42 doanh nghiệp và 22 đơn vị trực thuộc đăng ký mới với tổng vốn đăng ký là 110 tỷ đồng với 605 lao động. Bên cạnh đó, có 152 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc, 02 quỹ tín dụng bổ sung vốn thêm 798 tỷ đồng; 01 doanh nghiệp đã quay trở lại hoạt động. Tuy nhiên, đã có 10 doanh nghiệp và 12 đơn vị trực thuộc hoàn tất thủ tục giải thể và có 7 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động. So với cùng kỳ, số lượng doanh nghiệp thành lập mới giảm 03 doanh nghiệp; số doanh nghiệp giải thể tăng 04 doanh nghiệp, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh tăng 02 doanh nghiệp.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2019, toàn tỉnh có 211 doanh nghiệp và 128 đơn vị trực thuộc đăng ký mới với tổng vốn đăng ký là 1.199,6 tỷ đồng và 2.796 lao động. Đồng thời, có 19 doanh nghiệp ngừng hoạt động quay trở lại hoạt động. Bên cạnh đó có 646 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc, 10 quỹ tín dụng bổ sung 1.852 tỷ đồng. Tuy nhiên, đã có 49 doanh nghiệp và 92 chi nhánh hoàn tất thủ tục giải thể và có 43 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động. So với cùng kỳ năm 2018, số lượng doanh nghiệp thành lập mới giảm 04 doanh nghiệp, số doanh nghiệp giải thể tăng 17 doanh nghiệp, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh tăng 14 doanh nghiệp, vốn bổ sung thêm tăng 1.626 tỷ

⁴ Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Trà Vinh

đồng. Bên cạnh đó, tình hình đăng ký qua mạng ngày càng gia tăng, trong tháng 7 có 97 trường hợp đăng ký qua mạng, nâng tổng số đến nay có 330 trường hợp đăng ký qua mạng và số hộ chuyển đổi lên doanh nghiệp 39 hộ. Công tác quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập được tăng cường, hiện nay đang tiếp tục theo dõi gần 320 doanh nghiệp thuộc diện không hoạt động.

IV. VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (Địa phương quản lý)

Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng 7 năm 2019 đạt 278,1 tỷ đồng, tăng 30,48% so với tháng trước và tăng 7,61% so với cùng kỳ năm 2018 do nhiều công trình mới được khởi công cộng với giải ngân vốn thuận lợi nên các đơn vị đẩy nhanh thi công để đảm bảo đúng tiến độ, đặc biệt đây là tháng nghỉ hè nên nhiều công trình trường học được sửa chữa, nâng cấp. Tính chung 7 tháng đầu năm 2019 ước thực hiện 1.217,9 tỷ đồng, đạt 45,54% so với so với kế hoạch và tăng 20,59% so với cùng kỳ năm trước.

- *Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh:* Dự ước 7 tháng đầu năm 2019 thực hiện 905,1 tỷ đồng, bằng 45,06% kế hoạch và tăng 15,35% so với cùng kỳ năm trước do khởi công nhiều công trình mới hơn và tiến hành đẩy mạnh thi công các công trình. Chủ yếu được đầu tư vào các công trình dự án như: Đường nhựa liên ấp Tân Qui 1, Tân Qui 2, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè; Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm hành chính huyện Duyên Hải; Trụ sở làm việc Trung tâm hành chính huyện Duyên Hải; Đường nội ô thị trấn Tiểu Cần – Tỉnh lộ 912, huyện Tiểu Cần; Trung tâm hành chính xã Long Toàn, Thị xã Duyên Hải; Đê ven sông Cổ Chiên bảo vệ khu dân cư Thị trấn Mỹ Long huyện Cầu Ngang; Hạ tầng du lịch biển Ba Động Thị xã Duyên Hải; Nâng cấp hệ thống kênh trục và nâng cấp mở rộng các trạm cấp nước sạch khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn PV sản xuất và sinh hoạt cho các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp tỉnh Trà Vinh; Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải;...

Trong đó, nguồn vốn nước ngoài (ODA) tháng Bảy ước thực hiện 14,2 tỷ đồng, tăng gấp 3,5 lần so với tháng trước và tăng 41,92% so với cùng kỳ năm trước. Chủ yếu đầu tư vào dự án Nạo vét hệ thống kênh trục và xây dựng công trình điều tiết trên kênh phục vụ biến đổi khí hậu.

- *Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện:* Dự ước 7 tháng đầu năm 2019 thực hiện 312,8 tỷ đồng, tăng 38,84% so với cùng kỳ năm trước do triển khai thực hiện nhiều công trình có giá trị đầu tư cao cộng với khởi công nhiều công trình mới. Bên cạnh đó, nguồn vốn tỉnh hỗ trợ mục tiêu về huyện nhiều nên giá trị thực hiện cũng cao hơn. Chủ yếu được đầu tư vào các công trình dự án như: Nâng cấp mở rộng đường Đồng Khởi nối dài; Xây dựng vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Nguyễn Thiện Thành, phường 5, Thành phố Trà Vinh; Đường dẫn vào hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh;...

- *Vốn ngân sách nhà nước cấp xã:* Nguồn vốn này chủ yếu được thực hiện từ nguồn kết dư ngân sách xã. Do đầu năm chưa có vốn nên chưa có khối lượng thực hiện.

- **Đầu tư trực tiếp nước ngoài:** tính từ đầu năm đến tháng 7/2019 thu hút 01 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký 0,37 triệu USD; 02 dự án đang thực hiện thủ tục đăng ký với tổng số vốn đăng ký 100 triệu USD. Chủ yếu đầu tư trong lĩnh vực sản xuất hàng may mặc, nhà máy sản xuất điện gió.

V. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ GIÁ CẢ

1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Hoạt động thương mại và dịch vụ tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tăng trưởng khá, giá cả trên thị trường ổn định và công tác quản lý thị trường đảm bảo hạn chế tình trạng hàng gian, hàng giả trên thị trường. Đặc biệt, trên địa bàn tỉnh có trung tâm thương mại lớn đó là siêu thị Coop-mart, Vincom, điện máy Xanh, siêu thị điện máy Nguyễn Kim, . . . là nơi mua sắm lớn của Trà Vinh có nhiều chương trình khuyến mãi kèm quà tặng.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7 năm 2019 ước tính đạt 2.640,5 tỷ đồng, tăng 0,58% so với tháng trước và tăng 14,05% so với cùng kỳ năm trước do du lịch sinh thái gia đình đang rất được người dân ưa chuộng trong dịp nghỉ hè của các em học sinh, sinh viên nên doanh thu ăn uống, khách sạn – nhà hàng, du lịch lữ hành cũng tăng khá cao. Ngoài ra, nhiều thương lái cũng tăng cường thu mua hàng hoá tích trữ để tránh tình trạng thiếu hụt do đã bước vào mùa mưa gây khó khăn cho vận chuyển hàng hoá. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hoá đạt 1.568,2 tỷ đồng, tăng 0,89% so với tháng trước và tăng 14,05% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu lưu trú, ăn uống đạt 615,5 tỷ đồng, tăng 0,28% và tăng 14,26%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3,6 tỷ đồng tăng 2,13% và tăng 10,71%; doanh thu dịch vụ khác đạt 453,2 tỷ đồng, giảm 0,08% và tăng 12,43%.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 19.867,3 tỷ đồng, tăng 15,55% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân tăng do vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh tăng mạnh đã góp phần tăng doanh thu nhóm hàng vật liệu xây dựng. Xét theo ngành hoạt động:

Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính 7 tháng đầu năm 2019 đạt 13.344,1 tỷ đồng, chiếm 67,17% tổng mức và tăng 16,56% so với cùng kỳ năm trước. Chủ yếu tăng ở các nhóm hàng như: Lương thực thực phẩm tăng 16,98%; hàng may mặc, giày dép tăng 17,52%; đồ dùng dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 18,26%; xăng dầu các loại tăng 16,45%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 16,42%. Nguyên nhân doanh thu bán lẻ hàng hóa 7 tháng đầu năm 2019 tăng cao do thời điểm đầu năm diễn ra nhiều lễ hội cộng với đời sống người dân ngày càng được nâng cao nên đã tác động tích cực đến sức mua của thị trường dẫn đến giá một số mặt hàng phục vụ kỳ nghỉ lễ tăng cao. Bên cạnh đó, tỉnh đang đẩy mạnh xây dựng xã nông thôn mới nên nhiều mạng lưới giao thông được nâng cấp và mở rộng tạo thuận lợi cho lưu thông hàng hóa trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận. Các mặt hàng sản xuất trong nước ngày càng được tin dùng và được bày bán tại các siêu thị và trung tâm mua sắm ngày càng nhiều. Đặc biệt, sự phối

hợp cung cấp đầy đủ hàng hóa phục vụ thị trường Tết của các đơn vị kinh doanh lớn như Co.opmart Trà Vinh, Co.opmart Duyên Hải, Co.opmart Tiểu Cần, Trung tâm thương mại Vincom Plaza Trà Vinh đã góp phần bình ổn thị trường. Theo đó, các hoạt động hội chợ, chợ phiên cùng với khuyến mãi của các siêu thị, doanh nghiệp, cơ sở bán lẻ diễn ra sôi động đã tác động tích cực đến sức mua của người dân.

Doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống tính chung 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt 3.539 tỷ đồng, chiếm 17,81% tổng mức và tăng 14,69% so với cùng năm trước; doanh thu hoạt động du lịch lữ hành ước đạt 19 tỷ đồng, chiếm 0,10% tổng mức và tăng 12,65%. Nguyên nhân tăng do 7 tháng đầu năm diễn ra nhiều kỳ nghỉ lễ dài ngày, đặc biệt tháng 7 là kỳ nghỉ hè của các em học sinh, sinh viên nên nhu cầu tham quan du lịch, ăn uống, nghỉ ngơi tăng.

Doanh thu ngành dịch vụ ước tính 7 tháng đầu năm 2019 đạt 2.965 tỷ đồng, chiếm 14,92% và tăng 13,35% so với cùng năm trước. Trong đó, tăng chủ yếu ở nhóm hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 11,9%; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 13,32%; hoạt động sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình tăng 10,67%, nghệ thuật vui chơi và giải trí tăng 13,59%;... Nguyên nhân tăng do nhu cầu dịch vụ giấy tờ hành chính pháp lý, dịch vụ sở xố kiến thiết, vui chơi giải trí, văn hóa văn nghệ, photo văn bản các loại . . . diễn ra mạnh theo hướng phát triển kinh tế hội nhập nên các nhu cầu dịch vụ tăng cao.

2. Giao thông vận tải

Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2019 tăng khá so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vận tải hành khách, hàng hoá đường bộ tăng do giá nguyên liệu đầu vào của ngành vận tải tăng cộng với các tuyến đường giao thông chính đã được nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển và trao đổi hàng hoá. Riêng vận tải đường thuỷ tăng do nông dân thu hoạch lúa, tôm nên nhu cầu sử dụng dịch vụ vận tải đường thuỷ cho sản xuất tăng.

Doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách trên địa bàn tỉnh dự ước tháng 7 năm 2019 đạt 109,8 tỷ đồng, giảm 0,02% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh thu vận tải hành khách đạt 39 tỷ đồng, giảm 16,57%; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 68 tỷ đồng, tăng 11,11%. Tính chung 7 tháng đầu năm 2019, doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách trên địa bàn tỉnh ước đạt 1.019,3 tỷ đồng, tăng 13,31% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó: Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 243,5 tỷ đồng, tăng 14,65%; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 756,6 tỷ đồng, tăng 13,53%.

Vận tải hành khách tháng Bảy ước tính đạt 1.078 nghìn lượt khách, tăng 4,99% so với cùng kỳ năm trước và 62,2 triệu lượt khách.km, giảm 9,93% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng đầu năm 2019, vận tải hành khách ước tính đạt 6.378 nghìn lượt khách, tăng 14,42% so với cùng kỳ năm trước và 366,4 triệu lượt khách.km, tăng 14,68%. Trong đó, vận tải hành khách đường bộ ước đạt 3,5 triệu lượt khách, tăng

14,66% và 362,4 triệu lượt khách.km, tăng 14,62%; vận tải hành khách đường sông ước tính đạt 2,92 triệu lượt khách, tăng 13,52% và 4,1 triệu lượt khách.km, tăng 15,92%.

Vận tải hàng hóa tháng Bảy ước đạt 1.019 nghìn tấn, tăng 54,84% so với cùng kỳ năm trước và 156,1 triệu tấn.km, tăng 14,17%. Tính chung 7 tháng đầu năm 2019, vận tải hàng hoá ước đạt 7.250 nghìn tấn, tăng 13,98% so với cùng kỳ năm trước và 777,4 triệu tấn.km, tăng 14,17%, bao gồm: vận tải hàng hóa đường bộ ước đạt 596,9 nghìn tấn, tăng 13,79% và 47,8 triệu tấn.km, tăng 13,78%; vận tải hàng hóa đường sông ước tính đạt 6.653 nghìn tấn, tăng 14,13% và 729,6 triệu tấn.km, tăng 14,43%.

3. Hoạt động du lịch

Ước tính tháng Bảy năm 2019, lượt khách phục vụ lưu trú đạt 81.878 lượt khách, tăng 12,95% và 60.343 ngày khách tăng 13,19%; lượt khách du lịch theo tour đạt 1.164 lượt khách tăng 12,46% và 5.705 ngày khách tăng 14,21%.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2019, lượt khách phục vụ lưu trú đạt 494,5 nghìn lượt khách, tăng 8,00% và 364,8 nghìn ngày khách tăng 7,1%; lượt khách du lịch theo tour đạt 7.048 lượt khách tăng 12,46% và 35,6 nghìn ngày khách tăng 14,07%.

Tính đến tháng 7/2019, toàn tỉnh Trà Vinh có 136 cơ sở lưu trú du lịch và 09 công ty lữ hành nội địa. Trong đó, có 03 nhà khách, 07 khách sạn 2 sao, 17 khách sạn 1 sao, 108 cơ sở đạt chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch và 01 Homestay.

4. Chỉ số giá

4.1. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 7 năm 2019 giảm 0,13% so với tháng trước. Trong đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,19%, giảm chủ yếu là các mặt hàng thực phẩm giảm 0,43% (trong đó thịt lợn giảm 1,29%, nội tạng động vật giảm 2,16%, mỡ ăn giảm 2,98%); lương thực giảm 0,82% (trong đó giá gạo tẻ thường giảm 2,18%, khoai lang giảm 4,57%, khoai mì (sắn) giảm 11,26%). Nguyên nhân giảm do ảnh hưởng của bệnh dịch tả Châu phi trên đàn lợn nên làm giảm nhu cầu dùng thịt lợn của người dân và sản phẩm thịt lợn không được xuất sang các tỉnh khác. Bên cạnh đó, thủy sản tươi sống biến động giảm 0,32% do đang trong vụ thu hoạch thủy hải sản nên sản lượng cung ứng ra thị trường nhiều dẫn đến giá giảm nhẹ. Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 7,89% do nhu cầu sử dụng nước trong mùa mưa giảm nên giá nước sinh hoạt giảm, gas giảm 20.000 – 25.000 đồng/bình, dầu hoả giảm 44 đồng/lít. Tuy nhiên, có một số nhóm hàng tăng như nhóm giao thông tăng 3,85% do giá xăng được điều chỉnh tăng (Cụ thể: ngày 02 và 17 tháng 7 xăng 95 tăng 56 đồng/lít so với cùng kỳ năm trước; xăng E5 tăng 109 đồng/ lít; riêng dầu diesel giảm 133 đồng/lít); nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,7%; nhóm giáo dục tăng 1,75% do bước vào đầu năm học mới nên nhu cầu mua sắm dụng cụ học tập tăng.

Chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 7 năm 2019 tăng 2,68% so với tháng cùng kỳ năm 2018; tăng 2,10% so với tháng 12 năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 7 tháng năm 2019 tăng 3,17% so cùng kỳ năm 2018.

4.2. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá vàng tháng 7/2019 tăng 6,78% so với tháng trước do nhu cầu mua đồ trang sức, vàng vòng, dây chuyền, nhẫn các loại tăng nhẹ. Hiện giá vàng bình quân tháng là 3.895.000đ/chỉ. So với tháng 12/2018 tăng 10,44%; so với cùng tháng năm trước tăng 10,47%. Giá vàng bình quân 7 tháng năm 2019 tăng 1,64% so cùng kỳ năm 2018.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 7/2019 giảm 0,57% so với tháng trước. Hiện đồng USD trong tháng có giá bình quân là 23.273 đồng/USD, giảm 49 đồng/USD. So với tháng 12/2018 giảm 0,34%; tăng 1,09% so với cùng tháng năm 2018. Giá USD bình quân 7 tháng năm 2019 tăng 2,08% so cùng kỳ năm 2018.

VI. TÀI CHÍNH – TÍN DỤNG

1. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến giữa tháng 7 năm 2019 ước tính đạt 8.123,7 tỷ đồng, đạt 85,68% dự toán năm 2019, trong đó thu nội địa đạt 2.609 tỷ đồng, đạt 69,17% kế hoạch. Trong tổng thu nội địa, thu từ kinh tế quốc doanh đạt 768,2 tỷ đồng, bằng 77,34% kế hoạch; thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh đạt 193,5 tỷ đồng, bằng 55,29%; thuế thu nhập cá nhân đạt 221 tỷ đồng, bằng 65,97% kế hoạch.

Tổng chi ngân sách nhà nước từ đầu năm đến giữa tháng 7 năm 2019 ước thực hiện 4.951,5 tỷ đồng, bằng 54,34% dự toán năm 2019, trong đó chi đầu tư phát triển thực hiện 2.025 tỷ đồng, bằng 68,88%; chi thường xuyên thực hiện 2.802,3 tỷ đồng, bằng 52,38%.

2. Hoạt động ngân hàng

Tổng nguồn vốn hoạt động của các TCTD trên địa bàn tính đến 31/7/2019 ước đạt 31.200 tỷ đồng, tăng 8,68% so với cuối năm 2018; trong đó vốn huy động tại chỗ đạt 22.501 tỷ đồng, chiếm 72,12%/tổng nguồn vốn.

Dư nợ cho vay của các TCTD trên địa bàn ước đến 31/7/2019 đạt 25.500 tỷ đồng, tăng 5,5% so với cuối năm 2018; trong đó, dư nợ ngắn hạn ước đạt 13.191 tỷ đồng, chiếm 51,73%/tổng dư nợ; dư nợ trung, dài hạn ước đạt 12.309 tỷ đồng, chiếm 48,27%/tổng dư nợ.

Tỷ lệ nợ xấu của các TCTD trên địa bàn ước đến cuối tháng 7 năm 2019 chiếm 1,38%/tổng dư nợ.

VII. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Chính sách lao động - xã hội

1.1 Giải quyết việc làm

Trong tháng, tỉnh đã giải quyết việc làm cho 854 lao động và đưa 60 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Tính đến nay đã giải quyết việc làm cho 17.926 lao động và đưa 272 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Ngoài ra, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp đã thực hiện tuyển sinh, đào tạo nghề cho 3.623 lao động, nâng tổng số lao động được tuyển sinh, đào tạo nghề từ đầu năm đến nay là 14.352 lao động.

Bên cạnh đó, Trung tâm Dịch vụ việc làm đã giải hưởng trợ cấp BHTN cho 915 hồ sơ với số tiền chi trả hơn 11 tỷ đồng.

1.2. Công tác thương binh liệt sĩ và người có công

Trong tháng, đã giải quyết chế độ thờ cúng liệt sỹ 53 trường hợp, chế độ mai táng phí cho 22 người có công với cách mạng từ trần, hỗ trợ đột xuất 03 trường hợp, chế độ BHYT theo Quyết định 290, 62 và 49 của Thủ tướng Chính phủ cho 40 trường hợp, quyết định trợ cấp một lần và hàng tháng cho 05 hồ sơ Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Bên cạnh đó, tổ chức Đoàn đưa 153 người có công với cách mạng đi điều dưỡng tập trung tại Đà Nẵng.

2. Công tác an sinh xã hội

Trong tháng, Trung tâm Bảo trợ xã hội tiếp nhận 08 đối tượng bảo trợ xã hội, tính đến nay Trung tâm đang chăm sóc, nuôi dưỡng 150 đối tượng.

Bên cạnh đó, thông qua các chương trình như: địa chỉ nhân đạo, chương trình tim, xe lăn, phẫu thuật chỉnh hình phục hồi chức năng, chương trình khám bệnh, cấp thuốc miễn phí,... đã thăm và tặng quà với tổng trị giá 367 triệu đồng và 20 phần quà.

3. Giáo dục, đào tạo

Với kỳ thi THPT quốc gia năm 2019, tỉnh Trà Vinh có 25 điểm thi (24 trường THPT, 01 trường THCS), 340 phòng thi với 7.872 thí sinh đăng ký dự thi, trong đó thí sinh hệ THPT có 6.625 thí sinh và hệ GDTX có 940 thí sinh và thí sinh tự do xét tuyển Đại học - Cao đẳng là 307 thí sinh. Bên cạnh đó, công tác coi thi và chấm thi được tổ chức an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế. Kết quả tỷ lệ tốt nghiệp THPT của toàn tỉnh năm 2019 là 96,72%.

4. Tình hình dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm

4.1. Tình hình dịch bệnh

Trong tháng 6/2019, trên địa bàn tỉnh phát hiện 29 ổ dịch sốt xuất huyết, không phát hiện ổ dịch tay chân miệng. Tính đến nay đã phát hiện 110 ổ dịch sốt xuất huyết và 01 ổ dịch tay chân miệng, hiện đã xử lý tất cả ổ dịch, không có tử vong, so với cùng kỳ năm 2018 tăng 71 ổ dịch sốt xuất huyết, ổ dịch tay chân miệng không tăng giảm.

4.2. Các bệnh truyền nhiễm gây dịch

Bệnh Tay chân miệng: Trong tháng 6/2019 phát hiện 26 ca, không có tử vong. Cộng dồn từ đầu năm phát hiện 185 ca, không có tử vong; so với cùng kỳ năm trước số ca mắc bệnh tăng 50 ca, tử vong không tăng giảm.

Bệnh Sốt xuất huyết: Trong tháng 6/2019 phát hiện 219 ca, không có tử vong. Cộng dồn từ đầu năm phát hiện 1.016 ca, không có tử vong; so với cùng kỳ năm trước số ca mắc bệnh tăng 626 ca, tử vong không tăng giảm.

Bệnh Sốt phát ban nghi Sởi: Trong tháng 6/2019 phát hiện 14 ca, không có tử vong. Cộng dồn từ đầu năm phát hiện 94 ca, không có tử vong; so với cùng kỳ năm trước số ca mắc bệnh tăng 92 ca.

Tình hình nhiễm HIV/AIDS: trong tháng 6/2019 phát hiện mới 11 người nhiễm HIV, 08 bệnh nhân chuyển sang AIDS, số bệnh nhân tử vong là 05 người. Tính từ đầu năm đến ngày 30/6/2019, toàn tỉnh phát hiện 88 người nhiễm HIV, 71 bệnh nhân chuyển sang AIDS, số bệnh nhân tử vong là 20 người.

Tính từ ca đầu tiên đến ngày 30/6/2019, toàn tỉnh phát hiện 2.229 người nhiễm HIV, số bệnh nhân chuyển sang AIDS là 1.575 người, số bệnh nhân tử vong là 914 người.

5. Hoạt động văn hóa, thể thao

5.1. Hoạt động văn hóa

Trong tháng toàn ngành tập trung thực hiện công tác tuyên truyền nhân kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhiệm vụ chính trị khác. Đồng thời tổ chức Hội thi “Tiếng hát Hoa phượng đỏ” tỉnh Trà Vinh lần thứ XXV năm 2019 có 09 đội tham gia, kết quả Ban Tổ chức đã trao tặng 46 giải A, B, C và Khuyến khích cho các tiết mục đạt giải.

5.2. Thể thao

Hiện nay, phong trào thể dục thể thao trong tỉnh đã được phát triển rộng khắp. Trong tháng Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao các huyện, thị xã, thành phố đưa vận động viên tham gia giải Karate vô địch tỉnh Trà Vinh năm 2019. Bên cạnh đó, phòng Văn hóa và Thông tin huyện Tiểu Cần phối hợp các phòng chức năng tổ chức Hội thao CCVCLĐ năm 2019 với các môn Kéo co, Bóng đá mi ni, Cầu lông thu hút trên 520 vận động viên tham gia.

Đối với thể thao thành tích cao, tỉnh đã cử các đội Judo, Petanque, Bơi lội, Canoeing, Taekwondo, Bắn cung, Aerobic và Cầu lông tham dự các giải khu vực và toàn quốc năm 2019. Kết quả đạt 01 HCV giải Cầu lông các cây vợt thiếu niên, trẻ xuất sắc nhất toàn quốc năm 2019; 09 HCV, 01 HCB, 05 HCD giải Vô địch trẻ Judo toàn quốc năm 2019; 01 HCV giải Vô địch Bắn cung trẻ toàn quốc;...

6. Tai nạn giao thông

Trong tháng 7 năm 2019, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 03 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 02 người, bị thương 02 người. Cộng dồn từ đầu năm đã xảy ra 36 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 29 người, bị thương 26 người; so với cùng kỳ năm 2018 giảm 17 vụ, 13 người chết và 14 người bị thương.

7. Tình hình cháy, nổ và bảo vệ môi trường

Trong tháng 7 năm 2019 trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 01 vụ cháy trại xuồng tại khóm 3, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long gây thiệt hại tài sản khoảng 1 tỷ đồng. Tính từ đầu năm đến nay đã xảy ra 05 vụ cháy thiệt hại tài sản khoảng 1,47 tỷ đồng.

Ngoài ra, trong tháng các ngành chức năng đã phát hiện 33 trường hợp vi phạm về vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, thú y..., phạt tiền 06 trường hợp với số tiền 150 triệu đồng, còn lại giáo dục, nhắc nhở.

Tóm lại, kinh tế - xã hội tỉnh ta trong 7 tháng đầu năm 2019 tiếp tục diễn biến tích cực, kinh tế vĩ mô phát triển khá, lạm phát được kiểm soát, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; lĩnh vực an sinh xã hội được quan tâm thực hiện. Tuy nhiên, kinh tế của tỉnh cũng gặp một số khó khăn như: giá cả nông sản không ổn định; một số loại bệnh trên cây trồng, vật nuôi vẫn còn xảy ra, đặc biệt bệnh dịch tả heo châu Phi đang diễn biến phức tạp, tình hình sản xuất của một số doanh nghiệp chế biến, chế tạo chưa có bước phát triển rõ rệt. Như vậy, để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, các ngành, các cấp và các địa cần tập trung vào những công việc trọng tâm sau đây:

Một là, tiếp tục hỗ trợ nông dân thực hiện chuyển đổi từ đất lúa sang các cây trồng ngắn ngày, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản. Khuyến khích, hỗ trợ nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị và thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh liên kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nhất là công nghệ bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch. Tăng cường phòng chống, kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, kiểm soát chặt chẽ bệnh dịch tả heo châu Phi. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, xử lý việc sử dụng chất cấm trong sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; giảm thiểu ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất, kháng sinh trong sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm. Theo dõi sát diễn biến thời tiết để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất, hạn chế tối đa thiệt hại do thời tiết gây ra.

Hai là, tăng cường thực hiện có hiệu quả các biện pháp chống thất thu, nợ đọng thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời. Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi ngân sách, triệt để tiết kiệm chi tiêu thường xuyên, mua sắm, hội họp.

Ba là, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, trong đó tập trung hoàn thành sớm các công trình, dự án có ý nghĩa nâng cao năng lực sản xuất cho nền kinh tế. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra vốn đầu tư công, nhằm đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm.

Bốn là, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, gắn với các lợi thế về nguồn nguyên liệu nông, lâm nghiệp, thủy sản. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp. Phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, nâng cao chất lượng hàng hoá, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Năm là, đẩy mạnh các hoạt động đưa hàng Việt về nông thôn, thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Chủ động chuẩn bị nguồn hàng phục vụ nhu cầu tiêu dùng gia tăng vào thời điểm cuối năm, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, hạn chế thông tin thất thiệt gây hoang mang cho người tiêu dùng và bất ổn thị trường. Tăng cường xúc tiến thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu, bao gồm cả thị trường truyền thống và các thị trường có sức mua tiềm năng cao; khuyến khích xuất khẩu các nhóm hàng, mặt hàng có khả năng cạnh tranh, thị trường ổn định. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch, có chính sách, biện pháp hiệu quả thu hút khách du lịch, phát triển đa dạng hoá các loại hình du lịch có thể mạnh của địa phương.

Sáu là, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng. Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Trên đây, là những nét cơ bản về tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2019./.

Nơi nhận:

- Vụ Tổng hợp, Vụ TKQG (TCTK);
- VP Tỉnh ủy; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Sở Công thương;
- UBND huyện-thành phố;
- Lãnh đạo Cục;
- Các phòng VPC;
- Chi cục Thống kê huyện, thành phố, thị xã;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công thông tin điện tử Cục;
- Lưu.



Trương Tiên Dũng

1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 7 năm 2019

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Ước thực hiện kỳ này	Thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (%)
I. Nông nghiệp			
Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Ha)			
Lúa			
Lúa Hè Thu năm 2019	75.823,5	75.493,1	99,56
Các loại cây màu (Ha)			
Bắp (ngô)	2.727,6	2.609,4	95,67
Khoai lang	939,7	899,1	95,68
Khoai mì (sắn)	506,3	524,0	103,50
Mía	4.866,4	3.065,2	62,99
Đậu phộng (lạc)	4.066,9	3.995,3	98,24
Lác (cói)	1.715,3	1.752,5	102,17
Rau các loại	20.434,9	19.959,0	97,67
Sản lượng thu hoạch các loại cây trồng (Tấn)			
Lúa			
Lúa Hè Thu năm 2019	2.153,4	19.770,0	918,08
II. Thủy sản			
Sản lượng thủy sản (Tấn)			
Nuôi trồng			
Cá các loại	27.850,7	31.376,9	112,66
Tôm các loại	28.819,8	28.594,3	99,22
Thủy sản khác	3.980,1	4.678,1	117,54
Khai thác thủy sản			
Cá các loại	19.280,4	21.542,1	111,73
Tôm các loại	7.106,2	8.261,1	116,25
Thủy sản khác	16.628,2	17.846,9	107,33

2. Chỉ số sản xuất công nghiệp

	Tháng 6 năm 2019 so với tháng 6 năm 2018 (%)	Tháng 7 năm 2019 so với tháng 6 năm 2019 (%)	Tháng 7 năm 2019 so với tháng 7 năm 2018 (%)	7 tháng năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018 (%)
Toàn ngành	153,01	81,14	105,38	136,13
Phân theo ngành kinh tế				
Công nghiệp khai khoáng	119,26	104,03	127,76	143,17
Công nghiệp chế biến, chế tạo	104,80	101,21	103,58	106,77
Sản xuất chế biến thực phẩm	119,84	94,01	109,74	108,45
Sản xuất đồ uống	115,21	101,57	118,54	119,97
Dệt	97,89	103,93	107,77	102,12
Sản xuất trang phục	112,14	109,87	108,06	107,18
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	67,50	106,72	64,67	82,22
Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	107,99	108,40	102,00	121,16
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	50,16	54,05	43,22	74,66
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	100,11	105,56	105,11	101,93
Sản xuất thiết bị điện	154,86	101,40	172,95	153,91
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	180,39	74,51	106,15	150,57
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	112,01	97,39	107,52	109,33
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	108,24	97,39	108,35	105,87
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu	120,82	97,40	105,82	117,81

3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2019

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Thực hiện	Ước tính	Ước tính 7	Tháng 7 năm	7 tháng
		tháng 6 năm 2019	tháng 7 năm 2019	tháng năm 2019	2019 so với cùng kỳ năm trước (%)	năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018 (%)
Tôm đông lạnh	Tấn	680	694	4.065	87,48	91,98
Gạo xay xát, đã hoặc chưa đánh bóng	"	25.762	26.195	174.533	123,43	128,67
Đường RS	"	2.764	-	18.129	-	71,16
Nước tinh khiết	1000 lít	4.243	4.287	29.625	103,63	101,61
Xơ dừa	Tấn	1.008	1.130	7.364	133,13	107,32
Túi xách	1000 cái	228	267	1.914	71,20	110,64
Giày, dép bằng da	1000 đôi	824	864	10.499	35,72	55,53
Các bộ phận của giày, dép bằng da	1000 đôi	1.632	1.713	8.715	135,84	97,46
Cacbon hoạt tính	Tấn	480	570	4.491	72,70	106,83
Thuốc chứa penicillin hoặc kháng sinh dạng viên	Triệu viên	3	2	47	24,81	40,00
Dược phẩm chứa hoocmôn nhưng không chứa kháng sinh dạng viên	"	56	30	433	48,23	92,52
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M ³	3.423	3.800	27.457	104,80	103,49
Bộ nguồn cấp điện liên tục (UPS)	1000 Chiếc	866	878	5.201	173,11	153,99
Điện sản xuất	Triệu Kwh	1.368	1.013	9.082	106,11	151,87
Điện thương phẩm	Triệu Kwh	93	91	601	108,08	109,89
Nước không uống được	1000 m ³	2.123	1.990	14.887	110,19	111,23

4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 7 năm 2019

	Thực hiện tháng 6 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính tháng 7 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính 7 tháng năm 2019 (Triệu đồng)	7 tháng so với kế hoạch năm 2019 (%)	7 tháng so với cùng kỳ năm 2018 (%)
TỔNG SỐ	213.151	278.119	1.217.894	45,54	120,59
Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh	148.395	200.858	905.126	45,06	115,35
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	14.161	46.751	154.208	32,60	91,64
<i>Trong đó : Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	-	8.593	26.919	34,30	49,00
Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	60.831	63.542	303.996	75,01	88,98
Vốn nước ngoài (ODA)	4.057	14.188	45.083	16,68	87,60
Vốn xổ số kiến thiết	69.346	74.670	341.480	43,25	152,94
Vốn khác	-	1.707	60.359	85,49	-
Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện	64.756	77.261	312.768	46,98	138,84
Vốn cân đối ngân sách huyện	10.008	19.378	91.736	36,03	84,74
<i>Trong đó : Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	2.748	2.500	13.595	28,61	31,07
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	54.748	57.883	221.032	53,75	188,88
Vốn khác	-	-	-	-	-
Vốn ngân sách nhà nước cấp xã	-	-	-	-	-
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-
<i>Trong đó : Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	-	-	-	-	-
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-

5. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

	Thực hiện tháng 6 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính tháng 7 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính 7 tháng năm 2019 (Triệu đồng)	So với cùng kỳ năm trước (%)	
				Tháng 7 năm 2019	7 tháng năm 2019
Tổng số	2.625.211	2.640.539	19.867.341	113,81	115,55
Phân theo ngành hoạt động					
Bán lẻ hàng hóa	1.554.308	1.568.188	13.344.083	114,05	116,56
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	613.779	615.510	3.539.128	114,26	114,69
Du lịch lữ hành	3.567	3.642	18.998	110,71	112,65
Dịch vụ khác	453.558	453.199	2.965.133	112,43	113,35

6. Doanh thu bán lẻ hàng hoá tháng 7 năm 2019

	Thực hiện tháng 6 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính tháng 7 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính 7 tháng năm 2019 (Triệu đồng)	So với cùng kỳ năm trước (%)	
				Tháng 7 năm 2019	7 tháng năm 2019
Tổng số	1.554.308	1.568.188	13.344.083	114,05	116,56
Phân theo nhóm hàng					
Lương thực, thực phẩm	1.028.562	1.036.147	7.306.604	114,62	116,98
Hàng may mặc, giày dép	46.056	48.081	582.694	110,45	117,52
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	132.092	134.326	1.343.628	113,68	118,26
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	28.234	30.390	200.763	110,23	107,91
Gỗ và vật liệu xây dựng	114.692	112.996	383.833	113,40	116,42
Ô tô các loại	577	554	8.338	113,31	114,92
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	16.308	15.927	527.756	109,29	118,28
Xăng, dầu các loại	42.848	43.670	1.440.770	112,69	116,45
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	8.434	8.194	97.134	114,52	108,86
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	38.878	39.626	443.737	113,21	110,82
Hàng hóa khác	72.372	72.860	841.936	114,86	114,64
Sửa chữa xe động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	25.257	25.417	166.888	111,95	119,42

7. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng khác tháng 7 năm 2019

	Thực hiện tháng 6 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính tháng 7 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính 7 tháng năm 2019 (Triệu đồng)	So với cùng kỳ năm trước (%)	
				Tháng 7 năm 2019	7 tháng năm 2019
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	613.779	615.510	3.539.128	114,26	114,69
<i>Dịch vụ lưu trú</i>	<i>15.797</i>	<i>15.945</i>	<i>87.179</i>	<i>109,42</i>	<i>113,44</i>
<i>Dịch vụ ăn uống</i>	<i>597.982</i>	<i>599.565</i>	<i>3.451.949</i>	<i>114,39</i>	<i>114,72</i>
Du lịch lữ hành	3.567	3.642	18.998	110,71	112,65
Dịch vụ tiêu dùng khác	453.558	453.199	2.965.133	112,43	113,35

8. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ tháng 7 năm 2019

	Tháng 7 năm 2019 so với				Đơn vị tính: %
	Kỳ gốc 2014	Tháng 7 năm 2018	Tháng 12 năm 2018	Tháng 6 năm 2019	Bình quân 7 tháng năm 2019 so với cùng kỳ năm trước
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	117,67	102,68	102,10	99,87	103,17
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	113,79	103,53	102,69	99,81	106,96
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	106,61	99,96	98,98	99,18	101,78
Thực phẩm	111,64	104,26	103,21	99,57	109,35
Ăn uống ngoài gia đình	130,26	104,64	104,64	101,40	103,53
Đồ uống và thuốc lá	113,93	104,98	104,97	99,24	101,73
May mặc, giày dép và mũ nón	127,27	102,47	102,47	99,60	102,41
Nhà ở và vật liệu xây dựng	107,27	92,46	93,54	92,11	99,59
Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,32	100,59	100,59	100,45	100,17
Thuốc và dịch vụ y tế	261,66	108,60	100,92	99,33	100,56
Giao thông	99,37	103,47	108,48	103,85	99,36
Bưu chính viễn thông	104,17	100,05	100,00	100,00	100,05
Giáo dục	150,84	111,11	101,75	101,75	109,47
Văn hoá, giải trí và du lịch	102,13	99,96	99,96	99,96	99,99
Hàng hóa và dịch vụ khác	110,67	100,79	100,70	100,70	100,10
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	117,77	110,47	110,44	106,78	101,46
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	109,61	101,09	99,66	99,43	102,08

9. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 7 và 7 tháng năm 2019

	Thực hiện tháng 6 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính tháng 7 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính 7 tháng năm 2019 (Triệu đồng)	So với cùng kỳ năm trước (%)	
				Tháng 7 năm 2019	7 tháng năm 2019
Tổng số	113.227	109.774	1.019.335	99,98	113,31
Vận tải hành khách	39.065	39.063	243.538	83,43	114,65
Đường bộ	37.208	37.206	228.821	83,27	114,62
Đường thủy	1.857	1.857	14.717	86,65	115,36
Vận tải hàng hóa	71.936	68.065	756.569	111,11	113,53
Đường bộ	20.570	20.203	471.178	61,62	113,66
Đường thủy	51.366	47.861	285.391	168,08	113,34
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	2.227	2.647	19.229	154,07	78,54

10. Vận tải hành khách và hàng hoá tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2019

	Ước tính tháng 7 năm 2019	Ước tính 7 tháng năm 2019	Tháng 7 năm 2019 so với tháng 6 năm 2019 (%)	So với cùng kỳ năm trước (%)	
				Tháng 7 năm 2019	7 tháng năm 2019
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn hành khách)	1.078	6.378	99,54	104,99	114,42
Đường bộ	594,6	3.458,5	100,86	84,97	114,66
Đường thủy	483,7	2.919,9	97,95	147,80	113,52
II. Luân chuyển (Triệu HK.Km)	62,2	366,4	101,74	90,07	114,68
Đường bộ	61,5	362,4	101,74	93,17	114,62
Đường thủy	0,7	4,1	101,77	23,04	115,92
B. HÀNG HOÁ					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	1.018,8	7.249,5	91,85	154,84	113,98
Đường bộ	101,9	596,9	99,88	29,67	113,79
Đường thủy	916,9	6.652,6	91,04	291,58	114,13
II. Luân chuyển (Triệu tấn.km)	156,1	777,4	94,75	243,07	114,17
Đường bộ	8,6	47,8	101,16	49,71	113,78
Đường thủy	147,5	729,6	94,40	314,31	114,43

11. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

	Ước tính tháng 7 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính 7 tháng năm 2019 (Triệu đồng)	So với dự toán năm 2019 (%)	So với cùng kỳ năm trước (%)	
				Tháng 7 năm 2019	7 tháng năm 2019
I. Thu nội địa	408.461	2.608.958	69,17	129,30	137,78
1. Thu từ kinh tế quốc doanh	140.668	768.629	77,34	583,55	185,93
2. Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	10.234	151.540	65,32	89,11	124,97
3. Thu từ khu vực CTN - ngoài quốc doanh	35.620	193.516	55,29	114,36	117,77
4. Thuế thu nhập cá nhân	29.608	221.010	65,97	210,35	133,87
5. Thuế bảo vệ môi trường	23.649	158.431	43,29	126,55	137,63
6. Các loại phí, lệ phí	16.752	108.514	54,26	114,80	105,73
<i>Trong đó lệ phí trước bạ</i>	11.939	72.105	62,70	107,16	126,00
7. Các khoản thu về nhà đất	116.300	245.035	141,15	15,54	187,25
8. Thu xổ số kiến thiết	30.018	693.727	72,26	157,52	113,07
9. Thu khác	5.613	68.556	42,48	289,52	101,82
II. Tạm thu ngân sách	-	-	-	-	-
III. Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu	-	-	-	-	-
IV. Thu chuyển nguồn	(82,62)	2.430.130	-	-	-
V. Thu viện trợ	-	842	-	-	-
VI. Thu huy động, đóng góp	3.000	13.000	-	-	-
VII. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	3.003.149	54,06	189,53	92,53
VIII. Thu từ ngân sách cấp dưới	1.353	67.650	-	-	4.578,57
IX. Thu từ nguồn kết dư	-	-	-	-	-
TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	412.732	8.123.729	85,68	541,59	158,03

12. Chi ngân sách Nhà nước địa phương

	Ước tính tháng 7 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính 7 tháng năm 2019 (Triệu đồng)	So với dự toán năm 2019 (%)	So với cùng kỳ năm trước (%)	
				Tháng 7 năm 2019	7 tháng năm 2019
I. Chi đầu tư phát triển	226.430	2.025.026	68,88	97,22	160,25
II. Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	-	-	-	-	-
III. Chi thường xuyên	427.692	2.802.264	52,38	80,32	96,94
1. Chi quốc phòng	7.148	99.361	174,32	76,43	122,49
2. Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	9.390	40.058	121,51	155,63	126,05
3. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	200.522	1.227.146	52,05	115,18	106,78
4. Chi khoa học và công nghệ	1.613	18.190	58,04	517,36	118,27
5. Chi y tế, dân số và gia đình	13.161	343.574	58,15	9,30	80,09
6. Chi văn hóa thông tin	3.639	21.710	52,83	133,34	112,04
7. Chi phát thanh, truyền hình	1.036	7.697	42,47	77,36	77,91
8. Chi thể dục thể thao	2.215	10.346	119,75	219,83	157,11
9. Chi bảo vệ môi trường	9.232	44.198	69,15	695,99	103,77
10. Chi các hoạt động kinh tế	47.747	187.706	31,39	118,24	121,01
11. Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	107.455	639.888	55,17	85,10	85,32
12. Chi bảo đảm xã hội	17.437	117.701	54,42	82,45	79,90
13. Chi thường xuyên khác	7.097	44.688	60,69	101,96	83,55
14. Chi hỗ trợ các chế độ chính sách khác	-	-	-	-	-
15. Tiết kiệm chi thường xuyên năm 2019 (10%)	-	-	-	-	-
IV. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100,00	-	-
V. Dự phòng ngân sách	-	-	-	-	-
VI. Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	-	-	-	-	-
VII. Chi viện trợ	-	-	-	-	-
VIII. Chi cho vay	-	-	-	-	-
B. CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	-	-	-	-	-
1. Chương trình MTQG	-	-	-	-	-
2. Cho chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-
C. CHI CÁC NHIỆM VỤ KHÁC	-	-	-	-	-
D. CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	1.353	67.650	-	-	-
E. CÁC KHOẢN CHI KHÁC (TẠM CHI, CHƯA CÓ CHỈ TIÊU CỤ THỂ)	-	-	-	-	-
F. CHI TỪ NGUỒN KẾT DƯ	-	-	-	-	-
G. CHI TRẢ NỢ GỐC	55.600	55.600	-	-	-
TỔNG CHI NSDP	712.075	4.951.540	54,34	133,73	117,63

13. Trật tự, an toàn xã hội

(Tính đến ngày 15 hàng tháng)

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6 năm 2019	Thực hiện tháng 7 năm 2019	Thực hiện 7 tháng năm 2019	Tháng 7 năm 2019 so với tháng 7 năm 2018	7 tháng năm 2019 so với 7 tháng năm 2018
Tai nạn giao thông						
Số vụ tai nạn giao thông	Vụ	4	3	36	37,50	67,92
Đường bộ	"	4	3	36	37,50	67,92
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người chết	Người	4	2	29	33,33	69,05
Đường bộ	"	4	2	29	33,33	69,05
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người bị thương	Người	2	2	26	28,57	65,00
Đường bộ	"	2	2	26	28,57	65,00
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Cháy, nổ						
Số vụ cháy, nổ	Vụ	-	1	5	50,00	55,56
Số người chết	Người	-	-	-	-	-
Số người bị thương	"	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính	Triệu đồng	-	1000	1.470	454,55	94,23